



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/HUNGCHUONG/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG

Địa chỉ: 364/52 Thoại Ngọc Hầu, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 8428 3792 5919

Fax: 8428 3792 5918

E-mail: congtyhungchuong@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0302479477

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THẠCH HƯƠNG TRÀ XANH

2. Thành phần: Nước, đường, bột rau câu (1,6%), hương trà xanh tổng hợp (1%), rong biển (0,2%), chất bảo quản (INS 202, INS 211), chất điều vị (INS 950), phẩm màu tổng hợp (INS 133, INS 160a(i)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: Đóng gói kín.

+ Khối lượng tịnh: 1 kg; 2,2 kg; 3,3 kg. Hoặc quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong túi nhựa PA, PE, PP; hũ nhựa PE, PP. Cam kết bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

+ Sản xuất tại: CHI NHÁNH 1 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG

+ Địa chỉ: Số 512 Tỉnh lộ 2, Ấp 3, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ Chứng nhận ISO 22000:2018 số: VN23/00000267. Ngày cấp: 02/07/2023. Nơi cấp: SGS United Kingdom Ltd.

+ Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- + QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).
- + Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 (Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)
- + Thông tư 24/2019/TT-BYT (Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Tâm



BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM
(Đính kèm bản tự công bố số: 05/HUNGCHUONG/2023)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH	THỰC PHẨM
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG	THẠCH HƯƠNG TRÀ XANH

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo QĐ 46/2007 QĐ-BYT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
02	Coliforms	CFU/g	10
03	Escherichia coli	MPN/g	3
04	Staphylococcus aureus	MPN/g	10
05	Bacillus cereus	CFU/g	10
06	Clostridium perfringens	CFU/g	10
07	Tổng số bào tử nấm mốc nấm men	CFU/g	10 ²

2. Hàm lượng kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
01	Chì	mg/kg	1,0

3. Giới hạn độc tố vi nấm: theo QĐ 46/2007 QĐ-BYT

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
01	Aflatoxin B1	µg/kg	5,0
02	Aflatoxin tổng số	µg/kg	15,0

4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
01	Hàm lượng DEHP	mg/kg	1,5

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM



GREEN TEA
Jelly
THẠCH
HƯƠNG TRÀ XANH



Sản phẩm của: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯNG**
Địa chỉ: 364/52 Thoai Ngoc Hau, Phường Phú Thanh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sản xuất tại: **CHI NHÁNH 1 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯNG**
Địa chỉ: Số 512, Tỉnh Lộ 2, Ấp 3, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 8428 - 3792 5919 - Fax: 8428 - 3792 5918
Email: congtyhungchuong@gmail.com

www.hungchuong.com

Phản phối độc quyền bởi:

CÔNG TY TNHH BUBBLE TEA

Địa chỉ: Số 270, Ly Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 8428 - 7308 7988 - 0938 704 388



THÀNH PHẦN

Nước, đường, bột rau câu (1,6%), hương trà xanh tổng hợp (1%), rong biển (0,2%), chất bảo quản (INS 202, INS 211), chất điều vị (INS 950), phẩm màu tổng hợp (INS 133, INS 160a(i)).

Số TCB: 05/HUNGCHUONG/2023

KHỐI LƯỢNG TÍNH

2,2 kg

BẢO QUẢN

Nơi thoáng mát, tránh nhiệt, tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt độ từ 25 - 35°C.

Bảo quản trong tủ lạnh sau khi mở bao bì.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Dùng ăn ngay hoặc có thể pha chung với các loại thức uống giải khát khác.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Không dùng sản phẩm khi đã hết hạn sử dụng. Thận trọng khi dùng cho trẻ em và người lớn tuổi, nhai kỹ trước khi nuốt.

BẢO QUẢN SẢN PHẨM THEO

HƯỚNG DẪN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Xuất xứ: Việt Nam

NSX - HSD: Xem trên bao bì

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Report N°: 0000248450

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: July 20, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 20/07/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2307A-0702
Đơn hàng: 2307A-0702

CLIENT'S NAME : HUNG CHUONG CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG

CLIENT'S ADDRESS : 364/52 THOAI NGOC HAU STREET, PHU THANH WARD, TAN PHU DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM
Địa chỉ : 364/52 THOẠI NGỌC HẬU, PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : Food (approx. 2.303kg) in full label plastic jar
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.303kg) chứa trong hũ nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2307A-0702.001
Mã số mẫu :

Client's reference : Thạch Hương Trà xanh
Chú thích của khách hàng : Manufactured at: BRANCH 1 HUNG CHUONG CO., LTD
Sản xuất tại: CHI NHÁNH 1 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG
Address: No 512, Provincial Road 2, Hamlet 3, Phuoc Vinh An Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
Địa chỉ: Số 512, Tỉnh lộ 2, Ấp 3, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Date sample(s) received : July 13, 2023
Ngày nhận mẫu : 13/07/2023

Testing period : July 13, 2023 - July 19, 2023
Thời gian thử nghiệm : 13/07/2023 - 19/07/2023

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



Report N°: 0000248450

Page N° 2/4

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	8.5x10 ¹	-	10	cfu/g	
2. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	
3. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
4. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937:2004	<10	-	10	cfu/g	
5. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015	0	-	-	MPN/g	
6. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	0	-	-	MPN/g	
7. Faecal streptococci <i>Khuẩn liên cầu phân</i>	CMMEF, chapter 10 (APHA)	<10	-	10	cfu/g	
8. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.8	-	cfu/25g	
9. Vibrio parahaemolyticus <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	ISO 21872-1:2017	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
10. Pseudomonas aeruginosa <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	LFOD-TST-SOP-8930	<10	-	10	cfu/g	
11. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-1:2008	<10	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- The methods remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (*) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên () được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



SGS

Report N°: 0000248450

Page N° 3/4

• LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/đĩa (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau các khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ có hàm lượng cao nhất), 0 MPN/0.1g với mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ có hàm lượng cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ có hàm lượng cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



Vietnam Ltd.

nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
u Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

M-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Page N° 4/4

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

0 1 3 2 5 1

Số chứng thực..... Quyển số: 01SCT/BS

Ngày/tháng/năm 7/7-07-2023

Văn Phòng Công Chứng NGUYỄN TẤT THÀNH - TP. Hồ Chí Minh

Công Chứng Viên:



Nguyễn Tất Thành

Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sqs.vn

transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and constitutes a criminal offense under applicable laws.



Report N°: 0000253568

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: July 26, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 26/07/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2307A-0200
Đơn hàng: 2307A-0200

CLIENT'S NAME : HUNG CHUONG CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG

CLIENT'S ADDRESS : 364/52 THOAI NGOC HAU STREET, PHU THANH WARD, TAN PHU DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIET NAM
Địa chỉ : 364/52 THOẠI NGỌC HẬU, PHƯỜNG PHÚ THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : Food (approx. 2.402kg) in full label plastic jar
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.402kg) chứa trong hũ nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2307A-0200.009
Mã số mẫu :

Client's reference : Thạch Hương Trà xanh
Chú thích của khách hàng : Manufactured at: BRANCH 1 HUNG CHUONG CO., LTD
Sản xuất tại: CHI NHÁNH 1 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT HÙNG CHƯƠNG
Address: No 512, Provincial Road 2, Hamlet 3, Phuoc Vinh An Commune, Cu Chi District, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
Địa chỉ: Số 512, Tỉnh lộ 2, Ấp 3, Xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Date sample(s) received : July 04, 2023
Ngày nhận mẫu : 04/07/2023

Testing period : July 04, 2023 - July 12, 2023
Thời gian thử nghiệm : 04/07/2023 - 12/07/2023

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



DETAIL TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Acidity Độ axit	LFOD-TST-SOP-8167 (*)	<0.7	0.2	0.7	mL NaOH 1N/100g	
2. Total sugars (as glucose) Đường tổng (quy về glucoza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	26.52	0.15	0.5	g/100g	
3. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1, G2)	ISO 16050:2003	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	
4. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	ISO 16050:2003	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/kg	
5. Aflatoxin B2 Aflatoxin B2	ISO 16050:2003	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/kg	
6. Aflatoxin G1 Aflatoxin G1	ISO 16050:2003	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/kg	
7. Aflatoxin G2 Aflatoxin G2	ISO 16050:2003	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/kg	
8. Di(2-ethylhexyl) phthalate Di(2-ethylhexyl) phthalate	J. AOAC Int. 93 (2010) 315-322	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	mg/kg	
9. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
10. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
11. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
12. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- The methods remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
Phương pháp được đánh dấu một sao (*) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.
- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (¹) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."

Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

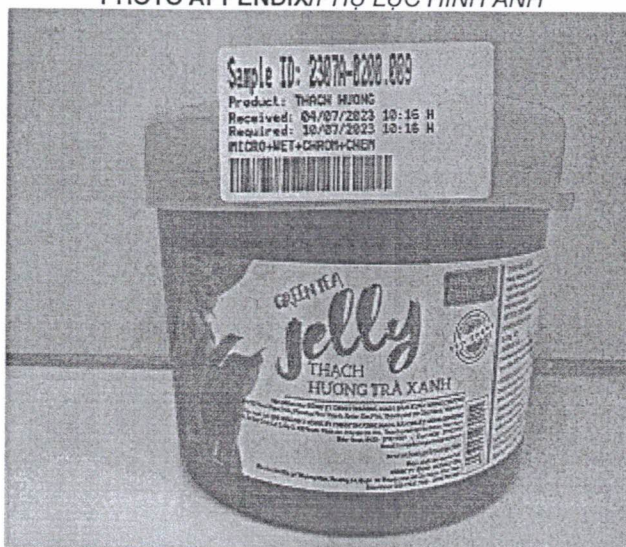
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

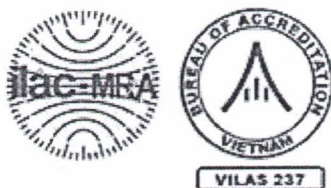
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau các khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ có hàm lượng cao nhất), 0 MPN/0.1g với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g ở dãy ống có nồng độ hàm lượng cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ hàm lượng cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH





SGS

Report N°: 0000253568

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000244021 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000244021 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

013250

Số chứng thực: 27-07-2023 Quyển số: 01SCT/BS

Ngày/tháng/năm:

Văn Phòng Công Chứng NGUYỄN TẮT THÀNH - TP. Hồ Chí Minh

Công Chứng Viên:



Nguyễn Tất Thành



Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."